TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94 /**2018/HNGĐ-ST
Ngày 27/4/2018
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thảo
2. Bà Lý Thuý Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/HNGĐ-ST, ngày 09/01/2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26/3/2018 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị A;** sinh năm 1984;

Nơi ĐKNKTT: Số nhà 70, tổ 17, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 114, tổ 22 phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

***** *Bị đơn:* Anh **Vũ Hữu H,** sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà 70, tổ 17, phường N , thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Nguyễn Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Vũ Hữu H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Vũ Hữu H là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2002 tại UBND phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống tại tổ 17 phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn chị đã phát hiện ra anh H nghiện ma tuý đã được cai nghiện nhưng chưa bỏ được, mặc dù cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nhưng chị vẫn cố gắng khuyên bảo để anh H từ bỏ ma tuý nhưng anh H vẫn sử dụng vì vậy anh H tiếp tục bị đưa đi cai nghiện. Sau khi đi cai nghiện về anh H vẫn không tu chí mà lại lao vào chơi bời và nghiện rượu, thường xuyên đánh đập chửi rủa vợ vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng nhiều năm. Đến nay chị không thể chịu đựng hơn được nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục cùng chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Hữu H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 03 con chung Vũ Hữu Tr, sinh ngày 10/02/2004, Vũ Hữu Thanh T, sinh ngày 23/8/2009 và Vũ Hữu V, sinh ngày 24/8/2015. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Vũ Hữu H tự thoả thuận chia, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh H không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Vũ Hữu H trình bầy: Về quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Nguyễn Thị A có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Tuyên Quang vào năm 2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống tại tổ 17 phường N, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt mà vợ chồng nào cũng gặp phải. Đến thời gian gần đây vì gặp khó khăn trong kinh tế do khách hàng vỡ nợ nên vợ chồng có chút lục đục. Chị A đã về nhà bố mẹ đẻ tại phường H, thành phố T sống, vợ chồng ly thân từ khoảng đầu tháng 01/2018 đến nay. Đến nay chị A làm đơn khởi kiện xin ly hôn, quan điểm của anh là không nhất trí, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị An có 03 con chung Vũ Hữu Tr, sinh ngày 10/02/2004, Vũ Hữu Thanh T, sinh ngày 23/8/2009 và Vũ Hữu V, sinh ngày 24/8/2015. Ly hôn chị A đề nghị được nuôi cả 03 con đề nghị Toà án giải quyết theo yêu cầu của chị A vì hiện nay anh chưa có việc làm ổn định.

Về tài sản chung: Anh và chị A không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh và chị A không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Vũ Hữu H nhưng anh H không nhận các văn bản tố tụng do Toà án tống đạt, vì vậy Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang từ giai đoạn thụ lý, điều tra, xác minh, hòa giải cũng như tại phiên tòa. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đều vắng mặt không có lý do. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, xử cho chị A được ly hôn anh Vũ Hữu H. Giao các con chung là Vũ Hữu Tr, sinh ngày 10/02/2004, Vũ Hữu Thanh T, sinh ngày 23/8/2009 và Vũ Hữu V, sinh ngày 24/8/2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vũ Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A do chị A không có yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, về vay nợ chung chị A xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Vũ Hữu H và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tháng 01/2018 chị Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện ly hôn anh Vũ Hữu H, Tòa án đã thụ lý vụ án và Toà án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Vũ Hữu H, nhưng anh H không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết niêm yết các văn bản tố tụng trên tại địa phương nơi anh H cư trú để anh H đến Tòa án để giải quyết vụ án. Việc tống đạt và niêm yết được thể hiện tại biên bản xác minh và biên bản niêm yết văn bản tố tụng có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Hữu

H đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 228 bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

* Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Hữu H tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/3/2002 tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị A quá trình chung sống chị đã phát hiện ra anh H sử dụng ma tuý nên đã được cai nghiện, sau khi đi cai nghiện về anh H vẫn không tu chí mà lại lao vào chơi bời và nghiện rượu, thường xuyên đánh đập chửi rủa vợ vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng nhiều năm, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chị không thể hàn gắn và tiếp tục cùng chung sống với nhau được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Hữu H. Còn anh H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt anh anh không nhất trí ly hôn, anh mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con cái. Qua xác minh tại địa phương nơi anh H và chị A sinh sống thể hiện vợ chồng anh H và chị A sau khi kết hôn một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, anh H sử dụng ma tuý phải đi cai nghiện nhiều lần, vợ chồng khúc mắc thường xuyên xảy ra xô xát đánh đập nhau tổ nhân dân đã nhắc nhở hoà giải. Như vậy xét quan hệ hôn nhân của chị A và anh H thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Xét tình trạng hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị An xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Vũ Hữu H là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Về con chung: Chị An và anh H có 03 con chung là Vũ Hữu Tr, sinh ngày 10/02/2004, Vũ Hữu Thanh T, sinh ngày 23/8/2009 và Vũ Hữu V, sinh ngày 24/8/2015. Hiện nay các con chung đang ở với chị A tại nhà bố mẹ đẻ của chị A tại tổ 22 phường H, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị A đề nghị được nuôi các con chung không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H đề nghị Toà án giải quyết theo yêu cầu của chị A vì hiện nay anh anh chưa có việc làm ổn định. Tại các biên bản lấy lời khai đối với các con chung của anh H và chị A là Vũ Hữu Tr, sinh ngày 10/02/2004, Vũ Hữu Thanh T, sinh ngày 23/8/2009 các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Qua xác minh tại gia đình bố đẻ chị A đang sinh sống thể hiện: Chị A và các con hiện đang sống tại nhà bố mẹ đẻ trong căn nhà 03 tầng tại số nhà 114, tổ 22, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. HĐXX thấy rằng hiện tại chị A đang là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung, chị A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, anh H

nhất trí theo đề nghị chị A, cháu Tr và cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ, nên để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con của các đương sự HĐXX xét thấy cần giao các con chung là Vũ Hữu Tr, Vũ Hữu Thanh T và Vũ Hữu V, cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Hữu H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Hữu H xác định không vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; Điều 39; 147; 220; 228; 266 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 51; 56; 81; 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chị Nguyễn Thị A về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Vũ Hữu H.

2. Về con chung: Xử giao các con chung là Vũ Hữu Tr, sinh ngày 10/02/2004, Vũ Hữu Thanh T, sinh ngày 23/8/2009 và Vũ Hữu V, sinh ngày 24/8/2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vũ Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Hữu H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Hữu H xác định không vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí: Chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005041 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị A đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Hữu H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Phạm Ngọc Hà